

Giấy khai tử				* Đọc kỹ hướng dẫn ở trang sau, rồi điền dấu “○” vào hạng mục thích hợp.	
(Năm tháng ngày)					
① Người tử vong	Họ tên	Tiếng Hàn		Giới tính	Số chứng minh nhân dân
		Chữ Hán		<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	-
	Nguyên quán				
	Địa chỉ				Chủ hộ·quan hệ của
	Ngày giờ tử vong	Năm tháng ngày giờ phút (thời điểm tử vong: điền bằng thời điểm 24 giờ)			
Nơi tử vong	Nơi	Thành phố (tỉnh) quận (huyện) phường (thị xã ,thị trấn) khóm số			
	Phân loại	<input type="checkbox"/> Tại nhà <input type="checkbox"/> Cơ quan y tế <input type="checkbox"/> Các tổ chức (viện dưỡng lão, trại trẻ mồ côi v...v...) <input type="checkbox"/> Công xưởng <input type="checkbox"/> D.O.A(tử vong trên đường đưa đến bệnh viện) <input type="checkbox"/> Trên đường (quốc lộ, đường xe ô tô) <input type="checkbox"/> Khác ()			
② Chi tiết khác					
③ Người khai báo	Họ tên	Đóng dấu hoặc ký tên		Số chứng minh nhân dân	-
	Quan hệ	<input type="checkbox"/> Người ruột thịt cùng sống <input type="checkbox"/> Người ruột thịt không cùng sống <input type="checkbox"/> Người cùng sống <input type="checkbox"/> Khác (quan hệ:)			
	Địa chỉ			Điện thoại	e-mail
④ Người nộp					
		Họ tên			Số chứng minh nhân dân
				-	

* Theo điều 32 và điều 33 「Luật Thống kê」, để thiết lập chính sách dân số của quốc gia với các dữ liệu cần thiết, quý vị có nghĩa vụ trả lời thành thật những câu hỏi. Chi tiết thông tin cá nhân quý vị hoàn toàn được bảo vệ, xin ghi vào đúng sự thật.

⑤ Nguyên nhân tử vong	<input type="checkbox"/> Vì bệnh tật <input type="checkbox"/> Vì tai nạn⇒ <input type="checkbox"/> Khác	⑥ Tai nạn	Nguyên nhân	<input type="checkbox"/> Tai nạn giao thông <input type="checkbox"/> Tự tử <input type="checkbox"/> Bị ngã <input type="checkbox"/> Tai nạn chết đuối <input type="checkbox"/> Bị giết <input type="checkbox"/> Khác()	
			Khu vực xảy ra	<input type="checkbox"/> Cùng địa chỉ hiện tại: <input type="checkbox"/> Khác địa chỉ hiện tại: <input type="checkbox"/> Khác ()	
			Địa điểm xảy ra	<input type="checkbox"/> Nhà riêng <input type="checkbox"/> Nơi công cộng(trường học, bệnh viện v.v...) <input type="checkbox"/> Trên đường <input type="checkbox"/> Dịch vụ phục vụ thương mại(cửa hàng, khách sạn v...v...) <input type="checkbox"/> Công trình xây dựng, công nghiệp <input type="checkbox"/> Nông trường (ruộng, trang trại chăn nuôi, khu nuôi thủy sản v.v...) <input type="checkbox"/> Khác()	

⑦ Nguyên nhân tử vong	①	Nguyên nhân trực tiếp	⇒	Thời gian từ khi bị bệnh đến khi tử vong
	②	Nguyên nhân của ①	⇒	
	③	Nguyên nhân của ②	⇒	
	④	Nguyên nhân của ③	⇒	
Những tình hình về thân thể khác			Người chẩn đoán	<input type="checkbox"/> Bác sĩ <input type="checkbox"/> Bác sĩ đồng y <input type="checkbox"/> Khác

⑧ Người tử vong	Quốc tịch	<input type="checkbox"/> Người Hàn <input type="checkbox"/> Người nhập quốc tịch Hàn (quốc tịch trước đây:)			
	Trình độ văn hóa	<input type="checkbox"/> Không đi học <input type="checkbox"/> Tiểu học <input type="checkbox"/> Trung học cơ sở <input type="checkbox"/> Trung học <input type="checkbox"/> Đại học (cao đẳng) <input type="checkbox"/> Trên đại học			
	Nghề nghiệp khi bị bệnh (tai nạn)			Tình trạng hôn nhân	<input type="checkbox"/> Chưa kết hôn <input type="checkbox"/> Có vợ hoặc chồng <input type="checkbox"/> Ly hôn <input type="checkbox"/> Vợ/Chồng đã chết

* Người khai báo không cần điền vào chi tiết dưới đây.

Nơi tiếp nhận: xã, phường, thị trấn, thị xã	Ngày gửi đến Văn phòng đăng ký quan hệ gia đình	Ngày tiếp nhận & xử lý ở Văn phòng đăng ký quan hệ gia đình
Năm tháng ngày đóng dấu		

Hướng dẫn điền văn bản

※ Phải nộp giấy khai tử(1 bản)

- Ô ① : Ví dụ) 2 giờ 30 phút chiều → 14 giờ 30 phút, 12 giờ 30 phút đêm → 0 giờ 30 phút ngày hôm sau.
① Nhà riêng: nơi tử vong bao gồm nhà của người tử vong hay nhà của cha mẹ, họ hàng v.v.
② D.O.A: trường hợp tử vong trong khi đang di chuyển đến cơ quan y tế (bệnh viện v.v.)
③ Khác: Các trường hợp khác ngoài ví dụ, tử vong trong máy bay, tàu thuyền, ô tô chở khách.
- Ô ② : Điền rõ ràng các chi tiết cần thiết ở Sổ hộ khẩu(bản đăng ký quan hệ gia đình).
: Bản chẩn đoán (bản giám định pháp y), lý do không đính kèm.
- Ô ③ : Điền dấu “○” vào các mục tương ứng.
④ Khác: điền tên người quản lý nơi tử vong hoặc người có trách nhiệm tương đương.
- Ô ④ : Phân điền họ tên và số chứng minh nhân dân của người nộp (dù người khai báo có hay không)
[nhân viên tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với giấy chứng minh nhân dân]
- Ô ⑤ : Ở Bản chẩn đoán tử vong hoặc Bản giám định pháp y v...v... tham khảo mục "nguyên nhân tử vong". Nếu nguyên nhân tử vong do các tai nạn khác thì viết cụ thể nội dung.
- Ô ⑥ : Tử vong vì tai nạn(ở mục ⑤ điền mục ② tử vong vì tai nạn) Điền nguyên nhân tai nạn, khu vực và địa điểm xảy ra tai nạn.
- Ô ⑦ : Điền thống nhất với nội dung nguyên nhân tử vong được điền ở Bản chuẩn đoán và Bản giám định pháp y.
a) Nguyên nhân tử vong trực tiếp là: các bệnh tật, tổn thương, biến chứng.
b) Nguyên nhân dẫn đến a)
c) Nguyên nhân dẫn đến b)
d) Nguyên nhân dẫn đến c)
Tình trạng khác của cơ thể: không liên quan hoặc không phải nguyên nhân trực tiếp là a)~d), các bệnh tật và các tổn thương khác dẫn đến tử vong.
<Các trường hợp ghi sai> tim ngừng đập, ngừng hô hấp, tim và phổi ngừng hoạt động, nhồi máu cơ tim, do già yếu.
- Ô ⑧ : Mục "Trình độ văn hóa" của người tử vong: các chứng chỉ do bộ trưởng Bộ Giáo dục và Khoa học Công nghệ công nhận. Trường hợp đang học mà chưa tốt nghiệp thì chỉ chứng chỉ của các cấp học đã tốt nghiệp.
<Ví dụ> Bỏ học năm thứ 3 đại học → điền ○ vào ④) phổ thông trung học
Nghề nghiệp của người tử vong được ghi là: nghề trước khi mắc bệnh hoặc gặp tai nạn dẫn đến tử vong.
<Ví dụ> nhân viên công ty (×) → ○○ nhân viên bán hàng bộ phận kinh doanh công ty...(○)
công chức (×) → ○○ cấp phép xây dựng của Sở xây dựng... (○)

Hồ sơ kèm theo

- Bản chẩn đoán hay giám định pháp y của người tử vong: 1 bản
 - Các giấy tờ chứng nhận tử vong(khi không có bản chẩn đoán hay bản giám định pháp y): thì 1 bản trong số những giấy tờ sau:
 - Giấy chứng nhận tử vong(do chủ tịch phường, xóm, thôn hoặc 2 người hàng xóm trở lên viết), trong trường hợp người làm chứng(2 người trở lên) cần một bản trong các giấy tờ sau: giấy chứng nhận đăng ký đóng dấu, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao bằng lái xe, bản sao hộ chiếu, bản sao thẻ công chức. Khi người làm chứng là chủ tịch phường, xóm, thôn thì 1 người làm chứng là đủ và cần giấy tờ chứng nhận đương nhiệm của chủ tịch phường, xóm, thôn.
 - Giấy chứng nhận tử vong hoặc giấy cho phép mai táng do cơ quan hành chính cấp.
 - Giấy tiếp nhận giấy khai tử (trường hợp đã khai báo tử vong ở cơ quan nước ngoài)
- ※ Trong 3 trường hợp dưới đây, cơ quan tiếp nhận đăng ký hộ khẩu có thể xác nhận được trên máy vi tính thì không cần kèm theo.
- Bản nguyên quán trong bộ đăng ký quan hệ gia đình của người tử vong: 1 bản
 - Xác định nhân thân[theo khoản 23 quy chế đăng ký quan hệ gia đình]
 - Trường hợp người khai báo có mặt : giấy chứng nhận nhân thân.
 - Trường hợp người nộp có mặt : giấy chứng nhận nhân thân của người khai báo và giấy chứng nhận nhân thân của người nộp.
 - Trường hợp gửi qua bưu điện: bản sao giấy chứng nhận nhân thân của người khai báo.

※ Hướng dẫn từ bỏ hoặc cho phép thừa kế hạn chế tài sản

* Nội dung này không liên quan đến việc khai tử. Những chi tiết này xin liên lạc đến tòa án gia đình hoặc bộ phận tiếp dân ở tòa án địa phương.

- Ý nghĩa : Cho phép hạn chế - Người thừa kế được thừa hưởng tài sản trong phạm vi tài sản đã được người tử vong cho phép.
: Từ bỏ - từ bỏ tất cả các quyền lợi và nghĩa vụ trong việc thừa kế tài sản.
- Phương pháp : Phê duyệt hạn chế - Khai báo tại tòa án gia đình kèm theo mục lục tài sản thừa kế.
: Từ bỏ - khai báo việc từ bỏ tại tòa án gia đình.
- Thời hạn : Trong vòng 3 tháng, bắt đầu kể từ ngày được thừa kế tài sản (khoản 1 điều 1019 luật Dân sự)
: Trong trường hợp người thừa kế không biết một cách vô ý nợ của người tử vong nhiều hơn tài sản được thừa kế từ người tử vong thì cho phép hạn chế trong vòng 3 tháng kể từ ngày biết được sự thật đó.(bao gồm cho phép thuộc khoản 1 và khoản 2 điều 1026 luật Dân sự).
- Cơ quan phụ trách : Tòa án địa phương nơi(địa chỉ) người tử vong sống trước khi tử vong.

Giấy khai tử

(사망신고서)

① Người tử vong. (사망자)

- Ghi tên người tử vong bằng chữ Hàn và chữ Hán.
(사망자의 한글 이름과 한자로 쓰세요.)
- Giới tính và số chứng minh nhân dân của người tử vong
(사망자의 성별과 주민등록번호를 쓰세요.)

❖ Số chứng minh nhân dân. (주민등록번호)

Trong trường hợp là người nước ngoài thì ghi số chứng minh nhân dân người nước ngoài (số khai báo thay đổi cư trú trong nước và ngày tháng năm sinh) (해당자가 외국인인 경우에는 외국인 등록번호 (국내거소신고번호 또는 출생연월일) 를 기재합니다.)

- Nơi đăng ký thường trú (nguyên quán) của người tử vong
(사망자의 등록 기준지를 쓰세요.)

❖ Nơi đăng ký thường trú (nguyên quán) (등록 기준지)

Trong trường hợp người tử vong là người nước ngoài thì ghi nơi đăng ký thường trú (nguyên quán) và quốc tịch.

(사망자가 외국인인 경우에는 그 등록기준지에 국적을 기재해 주세요.)

- Địa chỉ của người tử vong. (사망자의 주소를 쓰세요.)
- Mối quan hệ thân thiết giữa chủ hộ với người tử vong.
(세대주 관계와 사망자의 관계를 쓰세요.)
- Thời điểm tử vong : điền bằng thời điểm 24 giờ.
(사망지의 시간을 24시각제로 기재해 주세요.)

❖ Ngày và thời gian tử vong. (사망 일시)

Ví dụ) 2 giờ 30 phút chiều → 14 giờ 30 phút, 12 giờ 30 phút đêm → 0 giờ 30 phút ngày hôm sau.

<예시>오후 2시 30분(x)→14시 30분 (○), 밤 12시 30분(x)→다음날 0시 30분(○)

❖ Trong tình huống là người hàn tử vong ở nước ngoài thì địa điểm hiện thời và thời gian tử vong tính bằng ngày tháng năm dương lịch đổi thời gian sang thời gian của Hàn Quốc nếu tử vong trong thời kỳ là mùa hè thì (sự áp dụng mùa hè (summer time) để biểu thị thời gian đó

(우리나라 국민이 외국에서 사망한 경우, 현지 사망시각을 서기 및 태양력으로 기재하시고 서머타임 기간 중에 사망하였다면 사망자 시각 옆에 "서머타임 적용" 이라고 표시하세요)

- Kê khai địa chỉ nơi xảy ra tử vong. (사망장소의 주소를 기재해주세요.)
- Tử vong trong địa điểm nào dưới đây. (아래에서 사망장소를 선택해주세요.)

※ Nơi tử vong. 사망장소

- ① Nhà riêng. (주택)

※ Nhà riêng, nơi tử vong bao gồm nhà của người tử vong hay cha mẹ. hộ hàng (주택은 사망 장소가 사망자의 집이거나 부모, 친척 등의 집에서 사망한 경우를 포함합니다.)

② Cơ quan y tế. (의료기관)

③ Các tổ chức [bệnh viện dưỡng lão ,trại trẻ mồ côi]

(사회복지시설 [양로원, 고아원 등])

④ Nơi công cộng (trường học, bệnh viện v...v... (공공시설(학교, 운동장 등))

⑤ Trên đường. (도로)

⑥ Buôn bán : Dịch vụ phục vụ thương mại(cửa hàng, khách sạn v...v...).

(상업 ▪ 서비스시설 (상점, 호텔 등))

⑦ Công nghiệp. 산업장

⑧ Nông trường (ruộng vườn, nhà kho, khu nuôi thủy sản v...v... 농장 (논밭, 축사, 양식장 등))

⑨ Tử vong trên đường đưa đến bệnh viện. 병원 이송 중 사망 ⑩ Khác. (기타)

※ ví dụ khác như: Tai nạn do máy bay ,tai nạn do tàu thủy ,tai nạn do tàu hỏa v..v.... (기타는 예시 외에 비행기, 선박, 기차 등을 포함합니다.)

② Chi tiết khác. 기타사항

※ Điền chi tiết cần thiết đặc biệt ghi một cách rõ ràng ở sổ hộ khẩu :bản chẩn đoán (bản giám định pháp y), lý do khi không đính kèm.

(사망진단서(시체검안서) 미 첨부 시 그 사유 등 가족 관계 등록부에 기록을 분명히 하는데 특히 필요한 사항을 기재한다.)

③ Người khai báo. 신고인

■ Số chứng minh nhân dân ,họ tên ký tên hoặc đóng dấu của người khai báo (신고인의 성명, 사인이나 도장을 찍고 주민등록번호를 기재해주세요.)

■ Quan hệ của người khai thuộc hạng số mấy dưới đây

(아래의 번호 중 신청인의 자격을 선택해 주세요.)

① Người ruột thịt cùng sống. 동거 친족

② Người ruột thịt không cùng sống 비동거 친족

③ Người cùng sống. 동거자

④ Trong phạm vi bảo vệ / trong địa điểm quản lý v..v...(khác)

(기타. [보호 시설장/ 사망 장소 관리장 등])

■ Mối quan hệ của người khai báo với người tử vong.

(신고인과 사망자와의 관계를 기재해주세요.)

■ Địa chỉ , số điện thoại ,e-mail của người khai báo

(신고인의 주소, 전화번호, 이메일을 기재해 주세요.)

※ Những quan hệ trong mục tương ứng biểu thị bằng “○” Khác điền tên người quản lý nơi tử vong v...v...hoặc người có trách nhiệm tương đương

(해당되는 자격에 “○”으로 표시하시고 기타는 사망 장소를 관리하는 자 등이 포함됩니다.)

④ Người nộp. 제출인

■ Số chứng minh nhân dân và giới tính của người nộp

(제출인의 성별과 주민등록번호를 쓰세요.)

※ Dù người khai báo có mặt hay không. (신고인 여부와 관계없음)

Về phần người nộp nhân viên tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với giấy chứng nhận nhân thân. ([접수한 담당 공무원은 제출인의 신원을 확인한다.])

❖ Theo điều 32 và điều 33 「Luật Thống kê」 để thiết lập chính sách dân số của quốc gia với các dữ liệu cần thiết quý vị có nghĩa vụ trả lời thành thật những câu hỏi chi tiết thông tin cá nhân quý vị được hoàn toàn bảo vệ, xin ghi vào đúng sự thật. (다음은 국가의 인구정책 수립에 필요한 자료로 「통계법」 제32조 및 제33조에 의하여 성실응답 의무가 있으며 개인의 비밀사항이 철저히 보호되므로 사실대로 기입하여 주시기 바랍니다.)

⑤ Nguyên nhân tử vong. 사망의 원인

■ Đánh dấu nguyên nhân trực tiếp xảy ra tai nạn của người tử vong (사망자의 직접적인 사망 원인을 기재해 주세요.)

A Nguyên nhân trực tiếp 사망의 직접적인 원인

A Nguyên nhân của A. (의 원인)

B Nguyên nhân của B. (의 원인)

C Nguyên nhân của C. (의 원인)

❖ Điền một cách thống nhất với nội dung nguyên nhân tử vong được điền ở bản chẩn đoán tử vong và bản giám định pháp y (사망진단서(시체검안서)에 기재된 모든 사망의 원인 및 그 밖의 신체상황 내용을 동일하게 기재합니다.)

※ Thời gian từ khi bị bệnh đến khi tử vong. (발병부터 사망까지 기간)

■ Người tử vong bị nhiễm bệnh từ khi nào cho đến lúc tử vong. (사망자의 병이 발병부터 사망까지 기간을 기재해주세요.)

※ Tình trạng thể xác khác. 기타의 신체상황

■ Người chẩn đoán nạn nhân tử vong là ai trong các số dưới đây (아래의 번호 중 사망자의 진단자를 선택해 주세요.)

※ Người chẩn đoán 진단자

1 Bác sĩ. 의사 2 Bác sĩ đông y. 한의사 3 Trong trường hợp khác. 기타

⑥ Loại tử vong. (사망의 종류)

1 Tử vong do bệnh tật. 병사

2 Người nước ngoài(tử vong vì tai nạn ,v..v...). 외인사 (사고사, 등.)

3 Sự kém may mắn khác. 기타 및 불상

❖ Ở bản chẩn đoán tử vong hoặc bản giám định pháp y v...v... tham khảo "loại của tử vong" để điền, tai nạn tử vong trên mặt chẩn đoán liệt vào là người nước ngoài, trường hợp người khác thì điền chi tiết cụ thể nội dung đó.

(사망 진단서(시체검안서)에 기재된 사망의 종류는 사망진단서를 참고로 기하고사고사는 진단서상에 외인사에 해당하며, 기타인 경우 그 내용을 구체적으로 기재합니다.)

⑦ Nguyên nhân tử vong vì tai nạn (외인사 사항)

- Nguyên nhân tử vong vì tai nạn thuộc trong trường hợp nào dưới đây.
(아래 번호 중 외인사 사항을 선택해 주세요.)

※ Loại khai báo. (사고 종류)

- ① Vận tải (giao thông). 운수(교통) .② Chủng độc. 중독
- ③ Bị rơi từ trên cao xuống 추락 .④ Chết đuối. 익사
- ⑤ Hỏa hoạn 화재 .⑥ Nguyên nhân khác 기타

※ Nguyên nhân. 의도성

- ① Tai nạn ngoài ý muốn. 비의도적사고 ② Tự tử. 자살
- ③ Tội giết người. 타살 ④ Không rõ nguyên nhân. 미상

※ Giờ ngày xảy ra tai nạn. 사고 일시

- Thời điểm tử vong : điền bằng thời điểm 24 giờ
(사망 일시를 24시각제로 기재해 주세요.)

※ Khu vực xảy ra tai nạn. 사고 지역

- Trong các trường hợp dưới đây số nào chùng với khu vực xảy ra tai nạn
(아래의 번호 중에 사고 지역을 선택해 주세요.)

- ① Cùng quận huyện địa chỉ hiện tại. (현주소지와 같은 시군구)
- ② Quận huyện thành phố khác. (다른 시군구)

- Nếu trong trường hợp số 2 là đúng thì hãy ghi rõ quận ,huyện ,tỉnh ,thành phố
(만약 2번을 선택했다면 자세한 시, 도, 군, 구 기재해주세요.)

- ③ Trong trường hợp khác. 기타

※ Địa điểm xảy ra tai nạn. (사고 장소)

- Trong các trường hợp dưới đây số nào chùng với địa điểm xảy ra tai nạn
(아래의 번호 중에 사고 장소를 선택해 주세요.)

- ① Nhà riêng. 주택
- ② Điều trị theo phương pháp y học. 의료기관
- ③ Các tổ chức ,[viện dưỡng lão,trại trẻ mồ côi]
(사회 복지 시설[양로원, 고아원 등])
- ④ Nơi công cộng(trường học khu vực tập thể dục). 공공시설 (학교, 운동장)
- ⑤ Trên đường. 도로
- ⑥ Dịch vụ phục vụ thương mại(cửa hàng khách sạn v...v...)
상업▪서비스 시설(상점, 호텔 등)
- ⑦ Công trình xây dựng, công nghiệp.(산업장)
- ⑧ Nông trường (ruộng vườn, nhà kho, khu nuôi thủy sản v...v...
농장 (논밭, 축사, 양식장 등))
- ⑨ Tử vong trong thời gian đang chuyển tới bệnh viện 병원 이송 중 사망
- ⑩ Trong trường hợp khác. 기타

❖ Nội dung điền ở bản chẩn đoán tử vong hoặc bản giám định pháp y tất cả nội dung nguyên nhân tử vong điền một cách thống nhất. trong tình huống tai nạn xảy ra không nằm trong bản kê khai thì xin hãy ghi cụ thể loại tai nạn nơi phát hiện vùng xảy ra tai nạn và địa chỉ

(사고사로 사망한 경우에는 사망 진단서와 동일하게 기재한다. 기재할 내용이 없는 경우 사고의 종류, 사고 발생지역 및 장소를 구체적으로 기재해 주세요.)

⑧ Người tử vong. 사망자

■ Người tử vong thuộc quốc tịch nào dưới đây.
(아래의 번호 중 사망자의 국적을 선택해 주세요.)

- ① Người hàn quốc. 한국인
- ② Người nhập quốc tịch Hàn quốc (quốc tịch trước đây). 귀화한 한국인 (이전의 국적)

■ Thuộc loại Trình độ văn hóa nào dưới đây.
(아래의 번호 중 최종 졸업 학교를 선택해 주세요.)

- ① Không đi học 무학 ② Cấp một 초등학교 ③ Cấp hai 중학교
- ④ Cấp ba. 고등학교 ⑤ Đại học. 대학(교) ⑥ Từ cao học chớ nên. 대학원 이상

❖ Điền trình độ văn hóa của người tử vong bộ trưởng Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ công nhận tất cả các tổ chức chính thức bằng tiêu chuẩn, người đang học (bỏ học) tất cả các cấp của trường biểu thị bằng ○ vào số được liệt vào của trường học đã tốt nghiệp

(사망자의 최종 졸업 학교는 교육과학기술부장관이 인정하는 모든 정규기관을 기준으로 기재되어야 하고, 각급 학교의 재학(중퇴)자는 졸업한 최종학교의 번호에 ○표시를 합니다.)

Ví dụ:bỏ học năm thứ 3 đại học→④ biểu thị ○ vào trường phổ thông trung học (<예시> 대학교 3학년 중퇴 → 4번 고등학교에 “O” 표시)

※ Nghề nghiệp trong thời gian mắc bệnh (tai nạn) 발병(사고) 당시 직업

Ghi nghề nghiệp trong thời gian mắc bệnh (tai nạn)
(발병(사고) 당시의 직업을 기재해 주세요.)

❖ Viết cụ thể chi tiết "nghề nghiệp khi mắc bệnh (tai nạn) của người tử vong bệnh dịch trở nên nguyên nhân của tử vong hoặc nghề nghiệp khi tai nạn xảy ra. (사망자의 발병(사고)당시 직업은 사망의 원인이 되는 질병 또는 사고가 발생 한 때의 직업을 구체적으로 기재합니다.)

Ví dụ: nhân viên công ty (×) →○○ nhân viên bán hàng bộ phận kinh doanh (○) (<예시> 회사원(×) → ○○회사 영업부 판촉사원(○) 표시)

Nhân viên công vụ (×) →○○ cơ quan nội vụ giấy phép xây dựng (○)

Nhân viên công vụ (×) →○○ cơ quan Nội vụ Giấy phép xây dựng (○)

공무원(×)→ ○○ 청 건축허가 업무담당(○)

※ Tình trạng hôn nhân 혼인 상태

① Độc thân 미혼 ② Có vợ hoặc chồng 배우자 있음

③ Ly hôn 이혼 ④ Góa vợ hoặc chồng 사별

1. Bản chẩn đoán hay bản giám định pháp y của người tử vong: 1 bản
(사망자에 대한 진단서나 검안서 1부.)

2. Giấy tờ như là chứng nhận thực tế tử vong(khi không thể đính kèm bản chẩn đoán hay bản kiểm định) thì 1 bản trong số những giấy tờ sau
사망의 사실을 증명할 만한 서면 (진단서나 검안서를 첨부할 수 없을 때): 아래 중 1부.

■ Giấy chứng nhận tử vong(do chủ tịch phường·khóm·thôn hoặc từ 2 người bạn hàng xóm trở lên viết giấy chứng nhận tử vong): trong trường hợp người làm

chứng (2 người trở lên), trong số giấy tờ sau: giấy chứng nhận của người làm chứng, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao bằng lái xe, bản sao hộ chiếu, giấy chứng nhận nhân viên công vụ: phải đính kèm 1 bản, khi người làm chứng là chủ tịch phường·khóm·thôn thì 1 người làm chứng là đủ, theo nguyên tắc cơ bản đính kèm giấy tờ chứng nhận đương nhiệm của chủ tịch phường·khóm·thôn.

(sám chứng thư(동·리·통장 또는 인우 2명 이상이 작성한 사ám chứng thư)증명인 인우인(2명 이상)인 경우에는 증명인의 인감증명서, 주민등록증사본, 운전 면허증 사본, 여권사본, 공무원증사본 중 1부 첨부하여야 하며, 증명인이 동·리·통장일 때에는 1명의 증명으로 족하고 원칙적으로 동·리·통장임을 증명하는 서면 첨부해야 한다.)

■ Giấy chứng tử của cơ quan chính phủ hoặc giấy chứng nhận cấp giấy phép mai táng (관공서의 사ám chứng thư 또는 매장인허증.)

■ Tiếp nhận giấy chứng nhận bản khai tử (trường hợp đã khai báo tử vong ở cơ quan chính phủ nước ngoài) 사ám 신고수리증명서(외국관공서에 사ám 신고한 경우)

※ Trong 3 trường hợp dưới đây cơ quan tiếp nhận đăng ký hộ khẩu có thể xác nhận được trên máy vi tính thì không cần kèm theo

(아래 3항은 가족관계등록관서에서 전산으로 그 내용을 확인할 수 있는 경우 첨부를 생략합니다.)

3. Bản chứng nhận hộ khẩu của người tử vong: 1 bản

(사ám자의 가족관계등록부의 기본증명서 1통.)

4. Xác định nhân thân (신분확인)

Theo điều số 23 quy quy chế đăng ký hộ khẩu [가족관계등록예규 제23호에 의함]

■ Trường hợp người khai báo có mặt : giấy chứng nhận nhân thân.

(신고인이 출석한 경우 : 신분증명서)

■ Trường hợp người nộp có mặt: giấy chứng nhận nhân thân của người khai báo và giấy chứng nhận nhân thân của người nộp

(제출인이 출석한 경우 : 신고인의 신분증명서 사본 및 제출인의 신분증명서)

■ Trường hợp gửi qua bưu điện : bản sao giấy chứng nhận nhân thân của người khai

(우편제출의 경우 : 신고인의 신분증명서 사본)

5. Trường hợp người tử vong là người nước ngoài (;hộ chiếu ,giấy chứng minh tạm chú) bắt buộc phải trình bày bằng bản sao

sám자가 외국인이라면 국적에 관한 서면 (여권 또는 외국인 등록증) 사본 제출해야한다